

Số: /SGDDĐT-GDTrHQLCL

Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn tổ chức thi tốt nghiệp
trung học phổ thông năm 2025

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Trung tâm GDNN-GDTX huyện;
- Trường THCS-THPT Trương Vĩnh Ký,

Thực hiện Công văn số 1239/BGDĐT-QLCL ngày 24/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 cho các đơn vị có học sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Thi tốt nghiệp THPT nhằm mục đích đánh giá đúng kết quả học tập của người học theo mục tiêu và yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT); lấy kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm một trong các cơ sở để đánh giá chất lượng dạy, học của các cơ sở GDPT/GDTX và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục; cung cấp dữ liệu đủ độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực của học sinh để các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp sử dụng trong tuyển sinh theo tinh thần tự chủ.

2. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 phải đảm bảo yêu cầu an toàn, nghiêm túc, trung thực, khách quan, công bằng.

II. LỊCH THI VÀ KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KỲ THI

1. Lịch thi, thời gian dự thi đối với các thí sinh dự thi với đề thi của chương trình GDPT 2006

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
25/6/2025	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi			
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi			

26/6/2025	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
	CHIỀU	Toán		90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
27/6/2025	SÁNG	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Hóa học	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
			Sinh học	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35
	CHIỀU	Bài thi KHXX	Lịch sử	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Địa lí	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
			Giáo dục công dân	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35
CHIỀU	Ngoại ngữ		60 phút	14 giờ 20	14 giờ 30	
28/6/2025		Dự phòng				

2. Lịch thi, thời gian dự thi đối với các thí sinh dự thi với đề thi của chương trình GDPT 2018

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài	
25/6/2025	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi				
26/6/2025	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
	CHIỀU	Toán		90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
27/6/2025	Sáng	Bài thi tự chọn	Môn thứ 1	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Môn thứ 2	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
28/6/2025		Dự phòng				

3. Đối tượng dự thi

- Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX trong năm tổ chức kỳ thi.
- Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước.;

c) Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

d) Người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

4. Điều kiện dự thi: “Khoản 2, Điều 19 của Quy chế thi”

5. Bài thi, hình thức thi

a) Bài thi/Môn thi

- Đối với các thí sinh dự thi với đề thi của Chương trình giáo dục phổ thông 2006

+ Thí sinh học chương trình Giáo dục phổ thông phải đăng ký dự thi 04 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học hoặc 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân.

+ Thí sinh học chương trình Giáo dục thường xuyên phải đăng ký dự thi 03 bài thi, gồm: 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học hoặc 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí.

- Đối với các thí sinh dự thi với đề thi của Chương trình giáo dục phổ thông 2018: phải ĐKDT 03 bài thi, gồm: 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn; 01 bài thi tự chọn gồm 02 môn thi trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông.

b) Hình thức thi

- Các bài thi Toán, Ngoại ngữ; bài thi tổ hợp hoặc bài thi tự chọn: thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi tắt là bài thi trắc nghiệm).

- Bài thi Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT); (Khoản 3, Điều 20 Quy chế thi)

a) Phiếu ĐKDT;

b) Các loại chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có);

c) Ảnh cỡ 4x6 chụp theo kiểu căn cước/căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 6 tháng;

d) Bản sao học bạ THPT (đối với thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 19 của Quy chế này);

đ) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thuộc điểm c khoản 1 Điều 19 của Quy chế này);

e) Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp, bản sao Sổ học tập hoặc bảng điểm học các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT (đối với thí sinh thuộc điểm d khoản 1 Điều 19 của Quy chế này);

g) Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có) do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận hoặc do sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi xác nhận trong trường hợp thí sinh dự thi tại tỉnh khác.

7. Thời gian ĐKDT: Từ ngày 21/4/2025 đến hết 17 giờ 00 ngày 28/4/2025.

8. Nơi đăng ký dự thi và nộp hồ sơ ĐKDT

a) Học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025: ĐKDT trực tuyến tại trường phổ thông nơi học sinh học lớp 12.

b) Thí sinh tự do

Tùy thuộc vào nơi cư trú để nộp hồ sơ ĐKDT về trường THPT được phân công (Phụ lục 5); các đơn vị được phân công phải tạo điều kiện thuận lợi, tiếp nhận hồ sơ ĐKDT trực tiếp của thí sinh tự do và chịu trách nhiệm kiểm tra và nhập dữ liệu vào phần mềm Quản lý thi.

9. Hội đồng thi, điểm thi

- Tỉnh tổ chức một Hội đồng thi do Sở GDĐT Đắk Nông chủ trì, mã số Hội đồng thi là **63**.

- Các Điểm thi được đặt tại các trường THPT hoặc liên trường ở các huyện, thành phố. Sở GDĐT sẽ thông báo cụ thể Điểm thi đến các đơn vị khi có số liệu thí sinh ĐKDT của toàn tỉnh.

10. Nhiệm vụ và trách nhiệm các đơn vị

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh (đặc biệt học sinh lớp 12) học tập Quy chế thi, tập trung vào một số nội dung chính như: Điều 3, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 29, Điều 37, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57 của Quy chế thi; các phụ lục kèm theo Công văn này.

- Tổ chức họp phụ huynh học sinh lớp 12 để thông tin về Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025; tư vấn phụ huynh và học sinh chọn bài thi tổ hợp để xét tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành giáo dục mầm non sao cho phù hợp với khả năng của học sinh.

- Hướng dẫn thí sinh ĐKDT trực tuyến đầy đủ và đúng các thông tin; rà soát hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT để đảm bảo thông tin thí sinh điền vào Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT chính xác, đặc biệt là thông tin về

diện ưu tiên xét tốt nghiệp và điểm khuyến khích được cộng thêm (*nếu có*); xem xét và quyết định điều kiện dự thi của thí sinh.

- Tổ chức kiểm tra kỹ hồ sơ ĐKDT, đặc biệt đúng môn thi, bảo đảm tính chính xác của các văn bằng, chứng chỉ, học bạ, CMND/CCCD, giấy tờ chứng minh thuộc diện ưu tiên, khuyến khích,... Tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ ĐKDT không hợp lệ. Xem xét điều kiện dự thi của thí sinh, quyết định không cho học sinh dự thi nếu không đủ điều kiện hoặc hồ sơ ĐKDT không hợp lệ. Thủ trưởng đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm về hồ sơ ĐKDT trực tuyến và trực tiếp tại đơn vị; phải thông báo công khai những trường hợp không đủ điều kiện dự thi chậm nhất **vào ngày 05/6/2025**.

- Thành lập tổ hướng dẫn ĐKDT trực tuyến và tiếp nhận hồ sơ; chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT như máy vi tính kết nối internet, máy ảnh kỹ thuật số có độ phân giải từ 400x600 pixels, mẫu hồ sơ ĐKDT, túi hồ sơ,...

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra chéo thông tin thí sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị nghiên cứu kỹ và triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ với Sở GDĐT để trao đổi thống nhất./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (chỉ đạo);
- Lưu VT, GDTrHQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Sĩ Thành

Phụ lục 1
LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrHQLCL ngày /4/2025 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức tập huấn Quy chế thi và nghiệp vụ tổ chức thi cho cán bộ làm công tác thi.	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất ngày 12/4/2025
2	Rà soát, cập nhật thông tin của học sinh, học viên (gọi chung là học sinh) đang học lớp 12 trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, gồm: - Thông tin cá nhân học sinh	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành trước 17 giờ ngày 15/4/2025
	- Thông tin kết quả học tập của học sinh.			Hoàn thành trước 17 giờ ngày 29/5/2025
3	Lập và giao tài khoản cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025 (gọi tắt là thí sinh đang học lớp 12).	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Từ ngày 10/4 đến hết ngày 14/4/2025
	Tổ chức cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 thử đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến trên Hệ thống QLT.			Từ ngày 15/4 đến hết ngày 18/4/2025
4	Tổ chức cho các thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến; nhập phiếu ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp đối với các thí sinh nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp.	Sở GDĐT	Đơn vị ĐKDT	Từ ngày 21/4 đến 17 giờ ngày 27/4/2025
5	Rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có), rà soát điểm bảo lưu của thí sinh (nếu có).	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 28/4 đến hết ngày 07/5/2025
6	Tra cứu thông tin từ nguồn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác nhận diện ưu tiên theo nơi thường trú, đối tượng người dân tộc thiểu số cho thí sinh.	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 21/4 đến hết ngày 07/5/2025
7	In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c, ... của tên thí sinh; in, ký tên và đóng dấu trên Phiếu ĐKDT đối với thí sinh đăng ký ĐKDT trực tuyến, cho thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 11/5/2025

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
	Phiếu và danh sách; bàn giao cho thí sinh Phiếu ĐKDT số 2 và lưu Phiếu ĐKDT số 1.			
8	Kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh.	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 13/5/2025
9	Hoàn thành chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có); duyệt thông tin ĐKDT; bàn giao Danh sách thí sinh ĐKDT và Phiếu ĐKDT cho Sở GDĐT.	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 16/5 đến hết ngày 18/5/2025
10	Rà soát dữ liệu kết quả học tập, kết quả rèn luyện của của thí sinh; cho học sinh rà soát, ký xác nhận; duyệt thông tin xét công nhận tốt nghiệp trên hệ thống QLT.	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 01/6/2025 đến ngày 05/6/2025
11	Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi.	Các đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 06/6/2025
12	Đánh số báo danh, xếp phòng thi theo từng bài thi/môn thi tại các Điểm thi.	Hội đồng thi		Hoàn thành chậm nhất ngày 11/6/2025
13	In các tài liệu cho công tác tổ chức thi và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh.	Các đơn vị ĐKDT	Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 16/6/2025
14	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi tại các Điểm thi.	Hội đồng thi	Các Điểm thi	Hoàn thành ngày 19/6/2025
15	Tập huấn luyện nghiệp vụ cho những người làm nhiệm vụ coi thi.	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất ngày 22/6/2025
16	Ban Coi thi làm việc.	Ban Coi thi	Sở GDĐT	Từ ngày 24/6/2025
17	Tổ chức coi thi.	Ban Coi thi	Sở GDĐT	Theo lịch thi
18	Gửi Đĩa CD0 về Bộ GDĐT	Ban Chấm thi	Sở GDĐT	Chậm nhất ngày 05/7/2025
19	Gửi Đĩa CD1 về Bộ GDĐT			Chậm nhất ngày 09/7/2025
20	Gửi Đĩa CD2 về Bộ GDĐT			Chậm nhất ngày 12/7/2025
21	- Tổ chức chấm thi; - Tổng kết công tác chấm thi; - Gửi dữ liệu kết quả thi về Bộ GDĐT	Các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh;	Sở GDĐT	Chậm nhất 17 giờ ngày 13/7/2025

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
	(Đĩa CD chứa toàn bộ dữ liệu điểm bài thi trắc nghiệm và tự luận); - Đối sánh kết quả thi.	các Hội đồng thi		
22	Công bố kết quả thi	Các Hội đồng thi	Sở GDĐT	8h00 ngày 16/7/2025
23	Xét công nhận tốt nghiệp THPT.	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Chậm nhất ngày 18/7/2025
24	Cập nhật vào Hệ thống QLT và gửi báo cáo kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT; công bố kết quả tốt nghiệp THPT.	Sở GDĐT		Hoàn thành chậm nhất ngày 20/7/2025
25	Cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; trả học bạ và các loại Giấy chứng nhận liên quan (bản chính) cho thí sinh.	Các trường phổ thông		Hoàn thành chậm nhất ngày 22/7/2025
26	In và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh.	Hội đồng thi	Các đơn vị ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 22/7/2025
27	Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo.	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 16/7 đến hết ngày 25/7/2025
28	Chuyển dữ liệu phúc khảo cho Hội đồng thi.	Các đơn vị ĐKDT	Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 26/7/2025
29	Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có).	Hội đồng thi		Hoàn thành chậm nhất ngày 03/8/2025
30	Xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo.	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Chậm nhất ngày 08/8/2025
31	Cập nhật vào Hệ thống QLT; gửi báo cáo và dữ liệu tổng hợp kết quả tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL).	Sở GDĐT	Cục QLCL	Chậm nhất ngày 10/8/2025

Phụ lục 2
MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐIỂM BẢO LƯU
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrHQLCL ngày /4/2025 của Sở GDĐT)

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN ĐIỂM BẢO LƯU
(Dùng để xét công nhận tốt nghiệp)

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
TRƯỜNG/TRUNG TÂM

.....

Xác nhận học sinh: Nam / Nữ

Sinh ngày : Tại (ghi tên tỉnh):

Đã tham dự kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024 đầy đủ các môn theo quy định, tại hội đồng thi 63, Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông, với số báo danh:

Điểm các môn bảo lưu (chỉ ghi điểm các môn học sinh có nguyện vọng bảo lưu) là:

Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ
.....

Chỉ ghi vào cột KHTN khi muốn bảo lưu cả 3 môn và ghi rõ điểm thi từng môn

KHTN	Vật lí	Hóa học	Sinh học
.....

Chỉ ghi vào cột KHXX khi muốn bảo lưu cả 3 môn và ghi rõ điểm thi từng môn

KHXX	Lịch sử	Địa lí	GD&ĐT
.....

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

Phụ lục 3
CÁC CHỨNG CHỈ ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ
TRONG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrHQLCL ngày /4/2025 của Sở GDĐT)

Các trường hợp thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:

- Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

- Thí sinh có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục này hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GDĐT công nhận tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (đạt từ Bậc 3 trở lên).

Lưu ý:

- Chứng chỉ Ngoại ngữ có thể là Ngoại ngữ khác không học tại trường phổ thông; Chứng chỉ Ngoại ngữ phải có giá trị sử dụng đến ngày làm thủ tục dự thi (25/6/2025);

- Thí sinh có đủ điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ nhưng vẫn muốn tham gia thi môn Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp thì phải sử dụng kết quả thi môn Ngoại ngữ để tính điểm xét tốt nghiệp THPT.

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm - TOEIC (4 kỹ năng) Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120	Educational Testing Service (ETS)
		IELTS 4.0 điểm	British Council (BC); International Development Program (IDP)
		- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - B1 Linguaskill	Cambridge Assessment English
		Aptis ESOL B1	British Council (BC)
		- Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2 - Pearson Test of English Academic (PTE Academic) 43 điểm	Pearson
		Chứng chỉ ngoại ngữ theo	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
		Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Bậc 3	đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF (300 điểm) - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP) Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International – FEI)
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation)
		- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency – Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1 - Zertifikat B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

Phụ lục 4

QUY ĐỊNH
CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI CỦA THÍ SINH TỰ DO
VÀ TÀI KHOẢN NHẬP HỒ SƠ ĐKDT CỦA THÍ SINH TỰ DO
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH-QLCL ngày / 4 /2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ ĐKDT của thí sinh thuộc địa bàn
1	THPT Gia Nghĩa	Thành phố Gia Nghĩa
2	THPT Phạm Văn Đồng	Huyện Đắk R'Lấp
3	THPT Đắk Song	Huyện Đắk Song
4	THPT Trần Hưng Đạo	Huyện Đắk Mil
5	THPT Phan Chu Trinh	Huyện Cư Jút
6	THPT Krông Nô	Huyện Krông Nô
7	THPT Đắk Glong	Huyện Đắk Glong
8	THPT Lê Quý Đôn	Huyện Tuy Đức

Phụ lục 5

DANH MỤC CÁC XÃ ĐƯỢC HƯỞNG ĐIỂM ƯU TIÊN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH-QLCL ngày /4/2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Huyện/TP	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường
7213	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	01	Phường Nghĩa Đức (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7214	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	02	Phường Nghĩa Phú (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7215	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	03	Phường Nghĩa Tân (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7216	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	04	Phường Nghĩa Thành (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7217	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	05	Phường Nghĩa Trung (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7218	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	06	Xã Đắk Nĩa (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7219	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	07	Xã Đắk R'Moan (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7220	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	08	Phường Quảng Thành	Khó khăn
7221	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	09	Phường Nghĩa Tân (Từ 28/4/2017 đến 04/6/2021))	Khó khăn
7222	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	10	Xã Đắk Nĩa (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7223	63	Đắk Nông	01	Thành phố Gia Nghĩa	11	Xã Đắk R'Moan (Từ 28/4/2017 đến 04/6/2021))	Khó khăn
7224	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	01	Thị trấn Kiến Đức (Trước 28/4/2017)	Khó khăn
7225	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	02	Xã Đắk Ru	ĐBKK
7226	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	03	Xã Đắk Sin (Trước 04/6/2021)	ĐBKK
7227	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	04	Xã Đắk Wer	ĐBKK

TT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Huyện/TP	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường
7228	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	05	Xã Đạo Nghĩa (Trước 04/6/2021)	ĐBKK
7229	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	06	Xã Hưng Bình	ĐBKK
7230	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	07	Xã Kiến Thành (Trước 28/4/2017)	Khó khăn
7231	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	08	Xã Nghĩa Thắng (Trước 04/6/2021)	ĐBKK
7232	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	09	Xã Nhân Cơ (Trước 04/6/2021)	ĐBKK
7233	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	10	Xã Nhân Đạo	ĐBKK
7234	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	11	Xã Quảng Tín	ĐBKK
7235	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	12	Thị trấn Kiến Đức (Từ 28/4/2017 đến 04/6/2021)	ĐBKK
7236	63	Đắk Nông	02	Huyện Đắk R'Lấp	13	Xã Kiến Thành (Từ 28/4/2017 đến 04/6/2021)	ĐBKK
7237	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	01	Thị trấn Đắk Mil (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7238	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	02	Xã Đắk Gản	ĐBKK
7239	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	03	Xã Đắk Lao (Trước 04/6/2021)	ĐBKK
7240	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	04	Xã Đắk N'drót (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7241	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	05	Xã Đắk R'la (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7242	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	06	Xã Đắk Sắk	ĐBKK
7243	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	07	Xã Đức Mạnh (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7244	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	08	Xã Đức Minh (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7245	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	09	Xã Long Sơn (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7246	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	10	Xã Thuận An (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7247	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	11	Xã Đắk N'drót (Từ 28/4/2017)	Khó khăn

TT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Huyện/TP	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường
7248	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	12	Xã Đắk R'la (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7249	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	13	Xã Đức Minh (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7250	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	14	Xã Long Sơn (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7251	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	15	Xã Thuận An (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7252	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	16	Xã Đắk R'La (Từ 16/9/2021)	ĐBKK
7253	63	Đắk Nông	03	Huyện Đắk Mil	17	Xã Đức Minh (Từ 16/9/2021)	ĐBKK
7254	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	01	Thị trấn Ea Tling (Trước 28/4/2017)	Khó khăn
7255	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	02	Xã Cư Knia	ĐBKK
7256	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	03	Xã Đắk Đrông	ĐBKK
7257	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	04	Xã Đắk Wil	ĐBKK
7258	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	05	Xã EaPô	ĐBKK
7259	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	06	Xã Nam Dong	Khó khăn
7260	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	07	Xã Tâm Thắng	Khó khăn
7261	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	08	Xã Trúc Sơn	ĐBKK
7262	63	Đắk Nông	04	Huyện Cư Jút	09	Thị trấn Ea Tling (Từ 28/4/2017)	ĐBKK
7263	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	01	Thị trấn Đức An (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7264	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	02	Xã Đắk Hòa (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7265	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	03	Xã Đắk Môt (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7266	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	04	Xã Đắk N'Drung	ĐBKK
7267	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	06	Xã Nam Bình (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7268	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	07	Xã Năm N'jang (Trước 04/6/2021)	Khó khăn
7269	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	08	Xã Thuận Hà (Trước 28/4/2017)	ĐBKK
7270	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	09	Xã Thuận Hạnh (Trước 28/4/2017)	ĐBKK

TT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Huyện/TP	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường
7271	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	10	Xã Trường Xuân	ĐBKK
7272	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	11	Xã Đắk Hòa (Từ 28/4/2017 đến 04/6/2021)	Khó khăn
7273	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	12	Xã Đắk Mồi (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7274	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	13	Xã Thuận Hà (Từ 28/4/2017)	Khó khăn
7275	63	Đắk Nông	05	Huyện Đắk Song	14	Xã Thuận Hạnh (Từ 20/6/2017)	Khó khăn
7276	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	01	Thị trấn Đắk Mâm	ĐBKK
7277	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	02	Xã Buôn Choạch	ĐBKK
7278	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	04	Xã Đắk Đrô	ĐBKK
7279	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	05	Xã Đắk Nang	ĐBKK
7280	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	06	Xã Đắk Sôr	ĐBKK
7281	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	07	Xã Đức Xuyên	ĐBKK
7282	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	08	Xã Nam Đà	ĐBKK
7283	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	09	Xã Năm N'Dir	ĐBKK
7284	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	10	Xã Năm Nung	ĐBKK
7285	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	11	Xã Nam Xuân	ĐBKK
7286	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	12	Xã Quảng Phú	ĐBKK
7287	63	Đắk Nông	06	Huyện Krông Nô	13	Xã Tân Thành	ĐBKK
7288	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	01	Xã Đắk Ha	ĐBKK
7289	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	02	Xã Đắk Plao	ĐBKK
7290	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	03	Xã Đắk R'măng	ĐBKK

TT	Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Huyện/TP	Tên Quận/Huyện	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Loại Xã/Phường
7291	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	04	Xã Đắk Som	ĐBKK
7292	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	05	Xã Quảng Hòa	ĐBKK
7293	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	06	Xã Quảng Khê	ĐBKK
7294	63	Đắk Nông	07	Huyện Đắk Glong	07	Xã Quảng Sơn	ĐBKK
7295	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	01	Xã Đắk Buk So	ĐBKK
7296	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	02	Xã Đắk Ngo	ĐBKK
7297	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	03	Xã Đắk R'tih	ĐBKK
7298	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	04	Xã Quảng Tâm	ĐBKK
7299	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	05	Xã Quảng Tân	ĐBKK
7300	63	Đắk Nông	08	Huyện Tuy Đức	06	Xã Quảng Trực	ĐBKK